

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Lệ.
2. Ông Huỳnh Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long:
Không tham gia phiên tòa .

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm. tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/03/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà B chung sống vào năm 1992, hôn nhân hình thành trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới được cha mẹ hai bên thừa nhận và không đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới ông và bà B chung sống tại ấp Q, xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng

quan điểm, thường xuyên cãi vã, đến cuối năm 2023 thì bà B bỏ nhà đi không liên lạc với ông T. Nay mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà B.

Về con chung: Ông T và bà B có hai con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 11/3/1993 và Nguyễn Phúc Th, sinh ngày 29/6/2015, cháu L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Th đang sống chung với bà B, khi ly hôn tùy theo nguyên vọng cháu Th muốn sống với cha hoặc mẹ thì ông T đồng ý, nếu sống với ông T thì ông không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt và có bảng khai ý kiến ngày 29/5/2024 trình bày như sau: Bà B và ông T do mai mối tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 1992, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T nhậu nhẹt say xỉn, bạo lực gia đình, từ tháng 01/2024 ông bà không còn sống chung. Nay bà B không đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 11/3/1993 và Nguyễn Phúc Th, sinh ngày 29/6/2015, khi ly hôn bà B yêu cầu được nuôi cháu Th, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T trình bày: Ông và bà B chung sống có đăng ký kết hôn, ông T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà B, khi ly hôn yêu cầu được nuôi con chung là cháu Th, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm theo quy định tại Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bé B được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bé B chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn theo ông T trình bày là do bà B không còn thương ông, tự ý bỏ nhà đi không liên lạc với ông, còn bà B trình bày do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, bạo lực gia đình, nay bà B không đồng ý ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin đoàn tụ của bà B là tốt, nhưng ông bà đã ly thân một thời gian dài không hạnh phúc, không cải

thiện được cuộc sống chung nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của bà B. Do vậy xử cho ông T được ly hôn với bà B là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông T và bà B có hai con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 11/3/1993 và Nguyễn Phúc Th, sinh ngày 29/6/2015. Do Nguyễn Thị Thùy L đã trưởng thành nên ông T và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Nguyễn Phúc Th đang sống chung với bà B, theo ông T trình bày khi sống với mẹ thì cháu Th được đi học, cuộc sống ổn định và sức khỏe bình thường, cháu Th có ý kiến được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn, bà B yêu cầu được nuôi cháu Th trong trường hợp Tòa án xét xử cho bà và ông T ly hôn. Do vậy Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu Th cho bà B nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bé B xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bé B.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Phúc Th, sinh ngày 29/6/2015 cho bà Nguyễn Thị Bé B tiếp tục nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bé B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng theo biên lai thu số

0008925 ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, Ông Nguyễn Văn T đã nộp xong .

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, đối với các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND huyện Vũng Liêm
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung